TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 334/2020/HNGĐ-ST Ngày 03-11-2020 V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nghiệm;

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Tấn Đ – sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp X, xã Bình T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Ngọc H – sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Đặng Tấn Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị H bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1996 do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do không hợp tính nên vợ chồng thường xảy ra cải vả, gây gổ với nhau. Anh và chị H đã không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Thị Kim N – sinh ngày 16/5/1998 và Đặng Thị Ngân T – sinh ngày 29/11/2006. Hiện cháu N đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Ngân T hiện nay đang do chị H nuôi dưỡng nên khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Ngân T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại tờ tự khai và biên bản hòa giải bị đơn chị Đỗ Ngọc H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Đ về thời gian chung sống, và vợ chồng chị không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải, gây gổ nhau. Chị và anh Đ đã không còn chung sống từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị thấy mẫu thuẫn giữa chị và anh Đ đã trầm trọng nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung như anh Đ trình bày, đối với cháu Kim N đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Ngân T hiện đang do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngân T và chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Thường.

- Về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* **Tại phiên tòa**:

Nguyên đơn anh Đ vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với chị Ngọc H. Về con chung, khi ly hôn anh Đ giao con chung tên Ngân T cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung, còn con chung tên Kim N đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh và chị H đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có.

Bị đơn chị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ. Về con chung, khi ly hôn chị H đồng ý nuôi dưỡng con chung tên Ngân T, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, còn con chung tên Kim N đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị và anh Đ đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Đặng Tấn Đ yêu cầu được ly hôn với chị Đỗ Ngọc H và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đ đối với chị H, Hội đồng xét xử xét thấy anh Đ và chị H tự nguyện cưới nhau từ năm 1998, hai bên có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó hôn nhân giữa anh Đ và chị H không hợp pháp. Hội đồng xét xử xác định cần căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Tấn Đ và chị Đỗ Ngọc H.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Đ và chị H có 02 con chung tên tên Đặng Thị Kim N – sinh ngày 16/5/1998 và Đặng Thị Ngân T – sinh ngày 29/11/2006, hiện nay cháu N đã trưởng thành, đủ khả năng lao động và có gia đình riêng nên anh Đ và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Ngân T đang do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn anh Đ và chị H thống nhất giao cháu Ngân T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Ngân T. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận giữa anh Đ và chị H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên cần ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh Đ và chị H thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Đ và chị H thống nhất không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Tấn Đ và chị Đỗ Ngọc H.

2/ Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Đ và chị H thống nhất giao con chung tên Đặng Thị Ngân T – sinh ngày 29/11/2006 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Án phí: Anh Đặng Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0016748 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, nên anh Đ đã thi hành xong.

4/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh